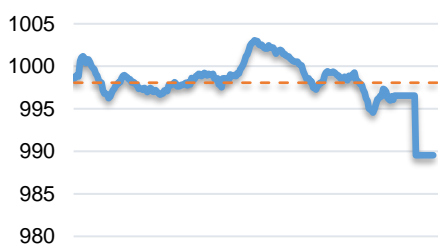


Diễn biến thị trường trong phiên

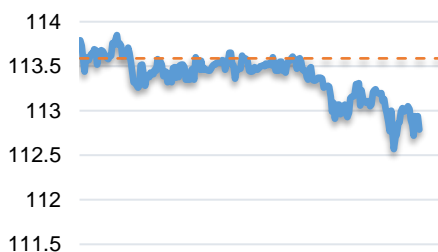
Rating	VNI	HNI	UPCOM
<b>Điểm</b>	989.54	112.79	51.86
% ngày	(0.85)	(0.70)	0.16
% tuần	0.25	1.05	0.52
% tháng	3.47	6.25	2.74
% năm	26.42	8.58	(4.80)
<b>GTGD (Tỷ đồng)</b>			
Trong ngày	3,706.33	611.31	214.54
Hôm qua	3,250.78	573.71	198.10
TB 1 tháng	3,575.46	592.60	223.79
<b>Khối ngoại (Tỷ đồng)</b>			
Mua	1,099.77	37.83	34.00
Bán	1,126.80	6.75	13.59
Giá trị ròng	(27.03)	31.08	20.41
<b>Độ rộng TT</b>			
Mã Tăng	124	77	97
Mã Giảm	145	76	84
Không Đổi	84	231	553
<b>Chỉ số chính</b>			
P/E	17.9x	10.6x	9.9x
Vốn hóa TT (ngàn tỷ)	3,187	203	855
LS Cổ tức	1.97	2.43	3.99

Nguồn: Bloomberg – Yuanta Retail Research

VNINDEX



HNX INDEX



DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG

Thị trường trong phiên sáng giằng co liên tục quanh mức tham chiếu tuy nhiên khi lực bán áp đảo trong phiên chiều thì đã làm toàn thị trường âm đạm hẳn đi và các chỉ số chính giảm dưới mức tham chiếu. Trong đó, chỉ số VN-Index chịu ảnh hưởng nhiều đến việc cơ cấu danh mục của quỹ MSCI đã giảm 0.85% xuống mức thấp nhất trong phiên 989.5 điểm và chỉ số HNX-Index cũng chịu áp lực bán tương tự khi giảm 0.7% xuống mức 112.79 điểm.

VHM có phen lợi ngược vòng lớn nhất trong phiên, từ cổ phiếu trụ tốt nhất cho thị trường trong phiên ATC đã giảm mạnh hơn 3% đã làm ảnh hưởng tiêu cực đến chỉ số Index. Đồng thời, trong phiên VHM cũng bị ảnh hưởng lớn từ việc khối ngoại bán ròng hơn 24 tỷ đồng trong phiên. Ngoài ra, việc giảm điểm của các chỉ số còn đến từ việc các cổ phiếu ngân hàng đồng loạt giảm điểm và các cổ phiếu Bluechips như GAS, MSN, VJC, VRE, PNJ, VIC... Nhóm dầu khí hôm nay cũng tràn ngập sắc đỏ ở các mã như GAS, PVD, PVS, PVB, PVC...

Khối ngoại mua ròng nhẹ trong phiên giao dịch cuối tháng 08 khoảng 25 tỷ đồng trên toàn thị trường, tuy nhiên trên sàn HSX lại bán ròng là khoảng 27 tỷ đồng. Riêng khối ngoại có lượng bán ròng 90 tỷ đồng tập trung tại riêng nhà Vingroup, và bán ròng tại các mã VNM 47 tỷ đồng và VCB là 9 tỷ đồng. Riêng đối với CCQ E1VFN30 được khối ngoại mua ròng liên tục với lượng lớn liên tục cả 5 phiên giao dịch.

NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

Chúng tôi cho rằng thị trường có thể sẽ còn có diễn biến giằng co quanh mức 1,000 điểm của chỉ số VN-Index trong tuần giao dịch tới, đặc biệt chỉ số VN-Index có thể sẽ đối mặt với áp lực điều về vùng hỗ trợ gần nhất là mức 977 điểm trong phiên giao dịch đầu tuần. Đồng thời, theo hệ thống chỉ báo kỹ thuật ngắn hạn, chúng tôi đánh giá thị trường sẽ còn chịu áp lực điều chỉnh ngắn hạn khi xung lực tăng điểm có dấu hiệu suy yếu, nhưng chúng tôi đánh giá đây chỉ là nhịp điều chỉnh kỹ thuật sau chuỗi ngày tăng kéo dài và vẫn chưa có dấu hiệu ảnh hưởng đến xu hướng tăng ngắn hạn. Ngoài ra, tỷ trọng cổ phiếu tiếp tục tăng cho thấy cơ hội giải ngân mới tiếp tục gia tăng.

Hệ thống chỉ báo xu hướng của chúng tôi vẫn duy trì mức TĂNG xu hướng ngắn hạn trên hai chỉ số và giữ mức chốt lỗ của hệ thống ở mức 971.84 điểm của chỉ số VN-Index và 109.69 điểm của chỉ số HNX-Index. Do đó, chúng tôi khuyến nghị các nhà đầu tư ngắn hạn tiếp tục tận dụng nhịp điều chỉnh để gia tăng tỷ trọng cổ phiếu và ưu tiên nắm giữ ở nhóm cổ Largecaps và Midcaps.

Theo đồ thị tuần, áp lực điều chỉnh trong tuần giao dịch tới là khá cao. Đồng thời, đồ thị giá có dấu hiệu bước vào giai đoạn tích lũy và rủi ro trung hạn đang có chiều hướng giảm dần. Điểm tích cực chúng tôi nhận thấy tỷ trọng cổ phiếu tiếp tục được cải thiện. Tuy nhiên, xu hướng trung hạn vẫn duy trì ở mức GIẢM trên cả hai chỉ số với mức kháng cự của hệ thống ở mức 1021 điểm của chỉ số VN-Index và 115.39 điểm của chỉ số HNX-Index. Do đó, chúng tôi khuyến nghị các nhà đầu tư trung hạn có thể tích lũy dần theo mức khuyến nghị. Đối với vị thế an toàn, các nhà đầu tư trung hạn có thể tiếp tục đứng ngoài thị trường.

**Tỷ trọng khuyến nghị ngắn hạn:** 64% cổ phiếu/36% tiền mặt.

**Tỷ trọng khuyến nghị trung hạn:** 40% cổ phiếu/60% tiền mặt.

(Bảng đánh giá xu hướng của các cổ phiếu theo dõi được cập nhật ở trang sau).



We Create Fortune

## BIỂU ĐỒ PHÂN TÍCH KỸ THUẬT



Diễn biến thị trường của chỉ số VN-Index



Diễn biến thị trường của chỉ số HNX-Index

	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Mức kháng cự 1	Mức kháng cự 2	Mức hỗ trợ 1	Mức hỗ trợ 2
Chỉ số VN-Index	<b>TĂNG</b>	<b>GIẢM</b>	997.0	1044.0	915.0	895.0
Chỉ số HNX-Index	<b>TĂNG</b>	<b>GIẢM</b>	112.5	121.0	96.5	92.0



We Create Fortune

**BẢNG THEO DÕI XU HƯỚNG CÁC CỔ PHIẾU**

CP	Giá	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Giá mua ngắn hạn	Mức cắt lỗ ngắn hạn	%LN ngắn hạn tạm tính	Tín hiệu ngắn hạn	Giá mua trung hạn	Mức cắt lỗ trung hạn	%LN trung hạn tạm tính	Tín hiệu trung hạn
AAA	17.80	TĂNG	GIẢM	17.15	16.92	3.79%			19.58		
ACB	39.10	TĂNG	GIẢM	35.60	37.46	9.83%			41.80		
ACV	82.90	GIẢM	GIẢM		87.14				95.72		
BFC	28.60	TĂNG	GIẢM	27.00	26.75	5.93%			28.92		
BHN	84.00	GIẢM	GIẢM		86.79				104.52		
BID	34.40	TĂNG	TĂNG	25.80	31.76	33.33%		33.40	25.09	2.99%	
BMP	56.20	TĂNG	GIẢM	56.20	55.43	0.00%	MUA		62.30		
BSR	17.40	GIẢM	GIẢM		18.13				19.99		
BVH	92.50	TĂNG	TĂNG	78.00	86.41	18.59%			91.06		
BWE	18.40	TĂNG	GIẢM	17.70	17.44	3.95%			19.20		
CEO	13.80	TĂNG	GIẢM	13.40	12.73	2.99%			14.91		
CHP	22.80	GIẢM	TĂNG		23.45			23.50	22.03	-2.98%	
CSM	14.50	TĂNG	TĂNG	14.25	13.65	1.75%		14.39	12.77	0.76%	
CTD	165.50	TĂNG	TĂNG	149.50	157.59	10.70%		161.20	130.49	2.67%	
CTG	27.15	TĂNG	GIẢM	24.00	25.68	13.13%			28.07		
CTI	31.00	TĂNG	GIẢM	30.50	29.10	1.64%			33.12		
CVT	26.30	TĂNG	GIẢM	25.85	25.26	1.74%			29.58		
DCM	10.15	TĂNG	GIẢM	11.05	10.00	-8.14%			10.69		
DGW	26.00	TĂNG	GIẢM	23.90	24.73	8.79%			26.51		
DHA	26.80	GIẢM	GIẢM		27.41				28.49		
DHC	38.40	GIẢM	GIẢM		40.34				43.99		
DHG	92.30	GIẢM	GIẢM		96.16			114.49	95.93	-16.21%	BÁN
DPG	52.00	TĂNG	TĂNG	40.90	47.10	27.14%		52.00	50.13	0.00%	MUA
DPM	17.55	GIẢM	GIẢM		17.86				18.72		
DPR	36.95	TĂNG	GIẢM	37.50	36.08	-1.47%			39.04		
DQC	29.50	TĂNG	GIẢM	29.55	28.67	-0.17%			31.92		
DRC	25.70	TĂNG	TĂNG	25.85	25.39	-0.58%		24.30	21.27	5.76%	
DXG	28.40	TĂNG	GIẢM	23.75	27.11	19.58%			29.38		
ELC	8.91	GIẢM	GIẢM		9.18				10.59		
FCN	16.30	TĂNG	TĂNG	16.25	15.96	0.31%		17.70	13.88	-7.91%	
FIT	4.05	GIẢM	GIẢM		4.26				5.07		
FMC	24.70	TĂNG	TĂNG	21.20	22.61	16.51%		24.70	23.95	0.00%	MUA
FPT	44.20	TĂNG	GIẢM	42.90	42.92	3.03%			45.46		
GAS	103.00	TĂNG	TĂNG	101.50	95.91	1.48%		103.00	101.12	0.00%	MUA
GEX	29.00	TĂNG	TĂNG	30.60	28.65	-5.23%		30.10	25.97	-3.65%	
GIL	51.00	TĂNG	TĂNG	41.65	47.40	22.45%		34.90	42.03	46.13%	
GMD	26.45	TĂNG	GIẢM	25.40	25.54	4.13%			28.65		
GTN	10.80	GIẢM	TĂNG		11.71			11.20	9.83	-3.57%	

We Create Fortune

HAG	6.79	GIẢM	TĂNG		7.53			6.19	5.86	9.69%	
HAX	15.30	GIẢM	GIẢM		16.04				18.52		
HBC	23.15	TĂNG	GIẢM	22.95	21.83	0.87%			27.24		
HDB	38.15	TĂNG	GIẢM	38.20	35.97	-0.13%			42.32		
HNG	17.90	TĂNG	TĂNG	16.70	15.69	7.19%		8.20	14.10	118.29%	
HPG	39.95	TĂNG	GIẢM	37.20	38.31	7.39%			42.50		
HSG	10.80	GIẢM	GIẢM		11.17				13.29		
HT1	12.75	TĂNG	GIẢM	11.75	12.36	8.51%			12.91		
HUT	5.30	GIẢM	GIẢM		5.48				6.72		
HVN	39.80	TĂNG	TĂNG	33.00	37.12	20.61%		39.20	30.48	1.53%	
ITD	11.75	GIẢM	TĂNG		12.09			12.40	11.14	-5.24%	
KBC	12.10	TĂNG	GIẢM	12.10	11.96	0.00%			13.24		
KDH	32.00	TĂNG	GIẢM	30.30	29.66	5.61%			33.01		
KSB	29.30	GIẢM	GIẢM		30.13				33.01		
LCG	9.39	TĂNG	TĂNG	9.46	8.86	-0.74%		9.39	9.33	0.00%	MUA
LDG	14.80	TĂNG	GIẢM	15.00	13.66	-1.33%			15.06		
LIX	40.40	GIẢM	GIẢM		41.31				43.94		
LPB	9.30	GIẢM	GIẢM		9.84				11.99		
LSS	6.72	GIẢM	GIẢM		6.85				7.75		
MSN	95.00	TĂNG	TĂNG	79.10	89.46	20.10%		90.60	77.28	4.86%	
MWG	120.00	TĂNG	TĂNG	112.00	117.93	7.14%		121.00	104.78	-0.83%	
NKG	13.35	GIẢM	GIẢM		14.00				16.72		
NLG	31.00	TĂNG	GIẢM	29.80	30.20	4.03%			31.83		
NT2	26.55	GIẢM	GIẢM		27.01				28.69		
NTL	9.72	TĂNG	TĂNG	10.35	9.59	-6.09%		10.45	8.94	-6.99%	
NTP	48.40	TĂNG	GIẢM	46.40	46.56	4.31%			51.08		
PAC	40.20	TĂNG	GIẢM	40.20	38.51	0.00%			42.18		
PC1	25.10	GIẢM	GIẢM		26.52				29.19		
PDR	25.50	TĂNG	GIẢM	26.60	25.05	-4.14%			29.12		
PGC	14.20	TĂNG	GIẢM	14.35	13.90	-1.05%			15.68		
PHR	25.25	TĂNG	TĂNG	21.90	24.46	15.30%		24.00	21.09	5.21%	
PLX	67.80	TĂNG	TĂNG	60.50	64.83	12.07%		68.00	54.57	-0.29%	
PNJ	103.10	TĂNG	TĂNG	90.30	99.11	14.17%		103.90	83.29	-0.77%	
POW	14.10	TĂNG	TĂNG	13.00	13.16	8.46%		14.10	13.91	0.00%	MUA
PPC	18.20	TĂNG	GIẢM	18.50	17.71	-1.62%			19.21		
PTB	59.60	TĂNG	TĂNG	60.00	57.49	-0.67%		64.00	53.16	-6.88%	
PVD	15.45	TĂNG	TĂNG	15.75	14.28	-1.90%		16.35	11.75	-5.50%	
PVI	29.70	TĂNG	GIẢM	29.90	28.38	-0.67%			33.54		
PVS	21.40	TĂNG	TĂNG	17.00	19.14	25.88%		20.90	14.67	2.39%	
PXS	5.90	GIẢM	TĂNG		6.15			6.19	4.57	-4.68%	
RAL	91.00	TĂNG	GIẢM	91.00	86.24	0.00%			102.96		
REE	35.80	TĂNG	TĂNG	36.40	34.76	-1.65%		36.40	30.73	-1.65%	
SAB	226.00	TĂNG	GIẢM	208.00	214.90	8.65%			233.02		



We Create Fortune

SAM	7.15	TĂNG	GIẢM	7.16	6.77	-0.14%		7.59		
SBV	24.85	GIẢM	GIẢM		26.68			29.26		
SCR	9.35	TĂNG	GIẢM	9.35	9.05	0.00%		10.30		
SHI	6.10	GIẢM	TĂNG		6.31		6.99	5.88	-12.73%	
SJS	19.00	GIẢM	GIẢM		20.12			21.87		
SKG	22.80	TĂNG	TĂNG	20.05	21.94	13.72%	23.10	19.32	-1.30%	
SSI	31.60	TĂNG	GIẢM	29.55	29.98	6.94%		34.19		
STB	11.35	TĂNG	GIẢM	11.20	11.04	1.34%		12.71		
SVC	45.45	GIẢM	GIẢM		46.14			49.74		
TCB	26.30	TĂNG	TĂNG	28.50	25.99	-7.72%	18.40	4.60	42.93%	
TCM	21.70	TĂNG	TĂNG	17.80	20.69	21.91%	21.60	17.43	0.46%	
TDH	11.35	TĂNG	GIẢM	11.70	11.14	-2.99%		12.95		
TLH	7.30	TĂNG	GIẢM	7.49	7.28	-2.54%		8.20		
TMT	7.00	GIẢM	GIẢM		7.45			7.28		
TNG	12.00	TĂNG	TĂNG	10.80	11.09	11.11%		11.90		
TYA	10.50	GIẢM	GIẢM		11.01			12.27		
VCB	62.50	TĂNG	GIẢM	57.50	60.49	8.70%		64.41		
VFG	37.00	GIẢM	TĂNG		38.63		34.39	33.47	7.58%	
VGC	18.70	TĂNG	GIẢM	17.90	17.41	4.47%		21.13		
VHM	104.00	GIẢM	N/A		111.24					
VIB	27.90	TĂNG	GIẢM	27.60	27.37	1.09%		30.67		
VIC	103.40	GIẢM	TĂNG		106.77		111.50	92.44	-7.26%	
VIP	6.94	GIẢM	GIẢM		7.10			7.29		
VJC	156.00	TĂNG	TĂNG	144.50	149.31	7.96%	156.00	154.12	0.00%	MUA
VNM	156.70	GIẢM	GIẢM		161.51			175.10		
VPB	25.90	GIẢM	GIẢM		26.68			31.64		
VRC	24.00	TĂNG	TĂNG	17.75	22.09	35.21%	19.35	19.13	24.03%	
VRE	39.35	GIẢM	GIẢM		41.40			44.98		
VSC	41.00	TĂNG	TĂNG	35.50	38.94	15.49%	35.30	33.83	16.15%	
VSH	17.20	GIẢM	TĂNG		17.61		17.40	16.64	-1.15%	



We Create Fortune

Sàn GDCK TPHCM (HSX)		
	Điểm	Chg%
VNI	989.54	(0.85)
VN30	969.23	(0.64)
VN Mid	1,027.40	(0.41)
VN Small	814.92	0.05

GDKN	GTGD (tỷ VND)	
Mua	1,099.77	
Bán	1,126.80	
GT rỗng	(27.03)	

Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
OGC	180	6.8%
HNG	750	4.4%
HAR	200	3.9%
KDH	1,150	3.7%
BMP	2,000	3.7%

Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
TCH	(1,200)	-4.2%
DRC	(1,000)	-3.7%
GTN	(400)	-3.6%
VHM	(3,400)	-3.2%
FCN	(500)	-3.0%

\*GTVH > 500 tỷ đồng, GTDG > 1.5 tỷ đồng

GTVH cao nhất	Tỷ đồng	
VIC	330,014	
VHM	278,680	
VNM	227,403	
VCB	224,861	
GAS	197,137	

KLGD nhiều nhất	Giá trị (triệu)	TB 30 ngày
HAG	10.00	11.32
VPB	9.39	4.80
FLC	9.15	16.46
STB	6.90	4.84
HPG	6.13	5.95

Nguồn: Bloomberg & Yuanta Research

Sàn GDCK Hà Nội (HSX)		
	Điểm	Chg%
HNI	112.79	(0.70)
HN30	204.13	(0.79)
VNX AllSh	1,393.24	(0.48)

GDKN	GTGD (tỷ VND)	
Mua	37.83	
Bán	6.75	
GT rỗng	31.08	

Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
L14	2,000	4.4%
AMV	800	3.8%
TNG	400	3.4%
VCS	2,800	3.2%
PVI	300	1.0%

Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
NDN	(500)	-3.6%
SHS	(300)	-1.9%
HUT	(100)	-1.9%
PVS	(400)	-1.8%
VCG	(300)	-1.6%

GTVH cao nhất	Tỷ đồng	
ACB	42,404	
VCS	14,480	
SHB	10,227	
PVS	9,559	
VGC	8,384	

KLGD nhiều nhất	Giá trị (triệu)	TB 30 ngày
SHB	7.02	6.50
PVS	5.03	6.89
ACB	4.28	4.78
IDJ	2.46	0.14
VGC	2.22	1.49

Nguồn: Bloomberg & Yuanta Research

Sàn GDCK UPCoM (UPCoM)		
	Điểm	Chg%
UPCoM	51.86	0.16

GDKN	GTGD (tỷ VND)	
Mua	34.00	
Bán	13.59	
GT rỗng	20.41	

Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
GEG	300	2.4%
BSR	300	1.8%
VIB	200	0.7%
OIL	100	0.7%
HVN	100	0.3%

Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
GVR	(300)	-3.6%
MSR	(500)	-2.1%
DVN	(300)	-1.8%
LPB	(100)	-1.1%
VGT	(100)	-1.0%

GTVH cao nhất	Tỷ đồng	
ACV	180,484	
BSR	53,949	
MCH	53,857	
HVN	49,743	
POW	33,020	

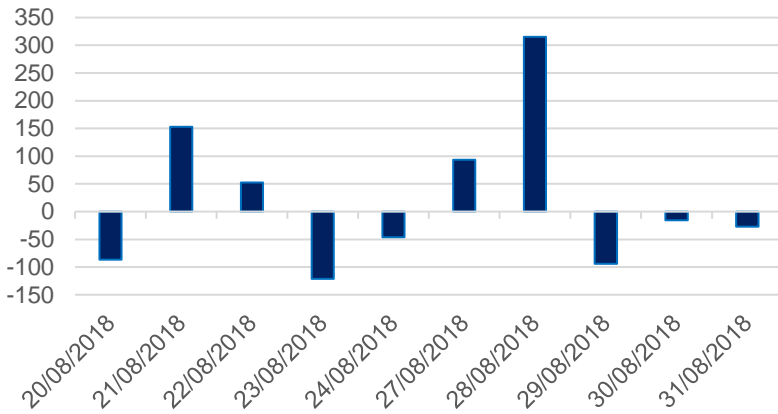
KLGD nhiều nhất	Giá trị (triệu)	TB 30 ngày
BSR	3.29	1.75
POW	3.19	1.25
HVN	1.28	0.84
LPB	1.23	2.21
OIL	0.93	0.71

Nguồn: Bloomberg & Yuanta Research



We Create Fortune

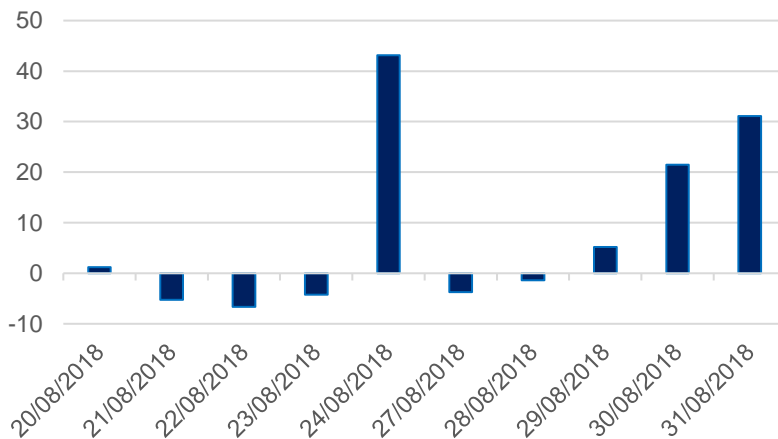
### Diễn biến Mua/Bán ròng Khối ngoại HSX



Mã CK	Giá trị mua ròng (triệu VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (triệu VND)
HPG	69,462	VNM	(47,005)
E1VFN30	20,390	VIC	(40,031)
KDC	15,803	VRE	(29,221)
SSI	15,597	VHM	(24,385)
HDB	12,393	VCB	(9,114)

TOP 5 Cổ phiếu khối ngoại Mua/Bán trên sàn HSX

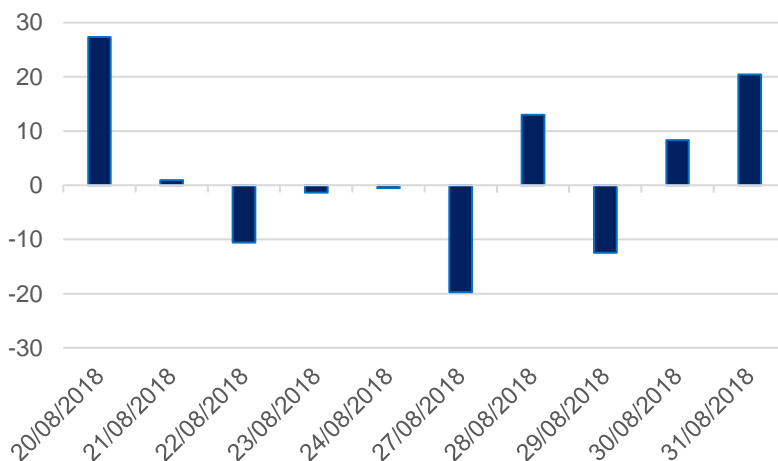
### Diễn biến Mua/Bán ròng Khối ngoại HNX



Mã CK	Giá trị mua ròng (triệu VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (triệu VND)
VGC	28,312	TNG	(3,534)
SHB	3,331	APS	(1,096)
DBC	3,051	PGS	(290)
CEO	405	ICG	(211)
VNR	292	BVS	(175)

TOP 5 Cổ phiếu khối ngoại Mua/Bán trên sàn HNX

### Diễn biến Mua/Bán ròng Khối ngoại Upcom



Mã CK	Giá trị mua ròng (triệu VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (triệu VND)
POW	29,837	BSR	(8,969)
VEA	1,452	OIL	(1,461)
WSB	333	ACV	(1,230)
SKH	115	QNS	(292)
HVN	95	LPB	(99)

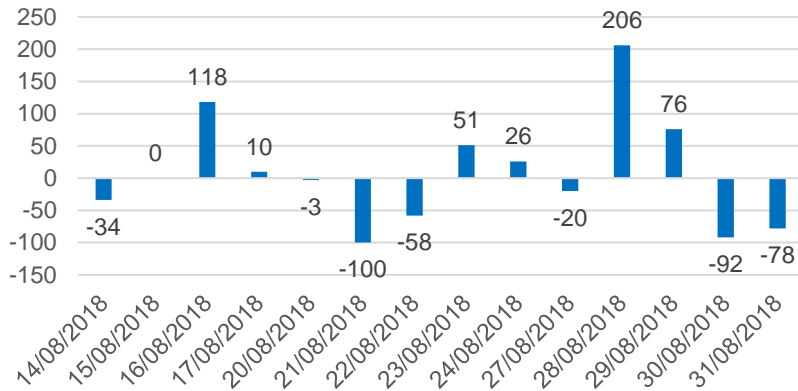
TOP 5 Cổ phiếu khối ngoại Mua/Bán trên sàn UPCoM



We Create **Fortune**

## THỐNG KÊ GIAO DỊCH TỰ DOANH

Giá trị giao dịch tự doanh mua/bán ròng (tỷ đồng)

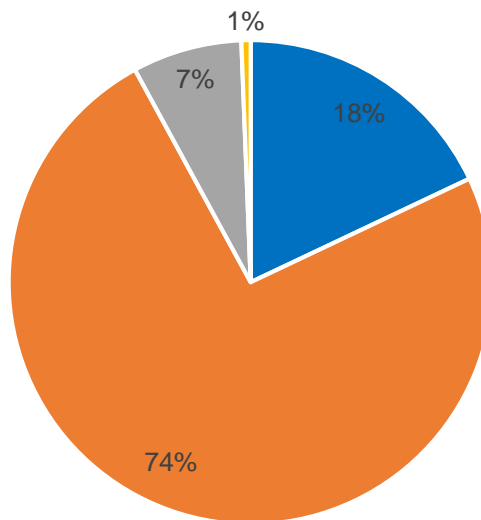


Mã CK	Giá trị đặt mua (triệu VNĐ)	Mã CK	Giá trị đặt bán (triệu VNĐ)
<b>VPB</b>	7,645	<b>VNE</b>	24,096
<b>VIC</b>	5,523	<b>E1VFN30</b>	21,065
<b>DXG</b>	3,319	<b>VIC</b>	6,189
<b>VHM</b>	2,243	<b>VHM</b>	4,954
<b>VJC</b>	1,299	<b>MBB</b>	4,105

Top 5 các mã đạt GDTD lớn nhất

## CƠ CẤU THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM

Cơ cấu nhà đầu tư trên sàn HSX



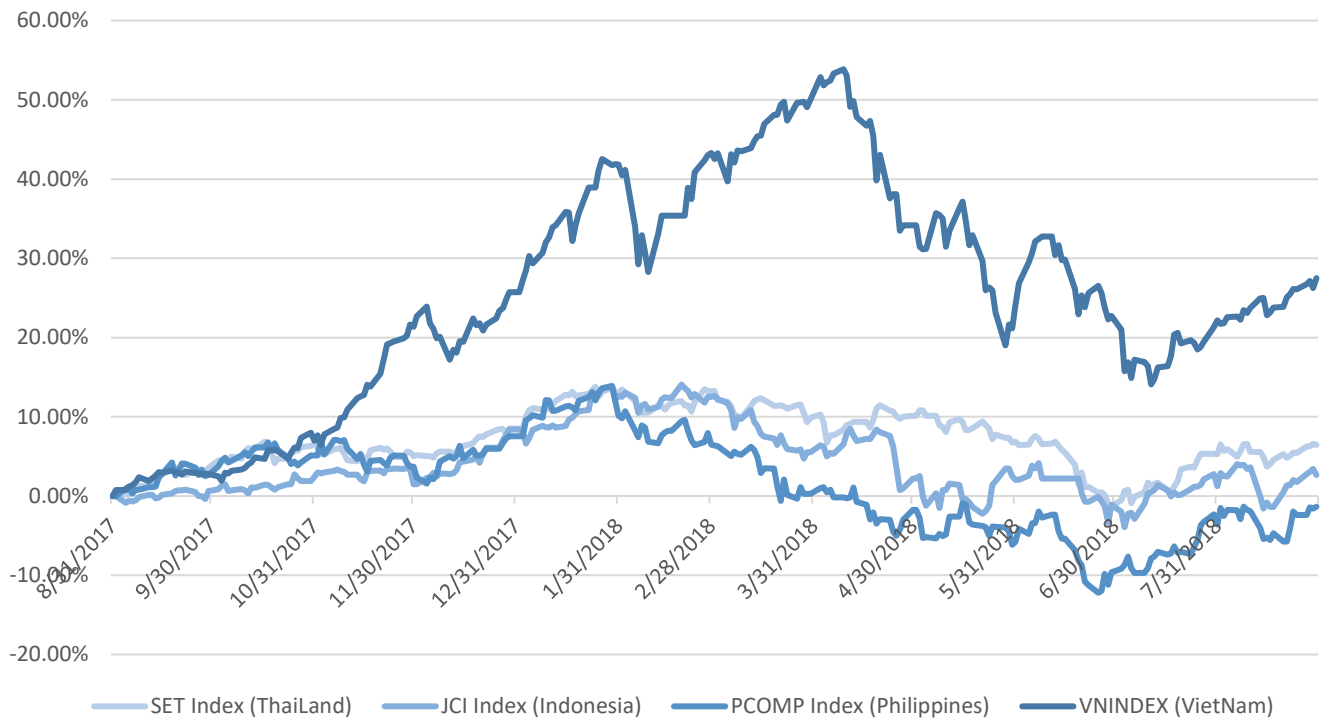
- Tổ chức nước ngoài
- Cá nhân trong nước
- Tổ chức trong nước
- Cá nhân nước ngoài

Nguồn: FiinPro – Yuanta Retail Research



We Create Fortune

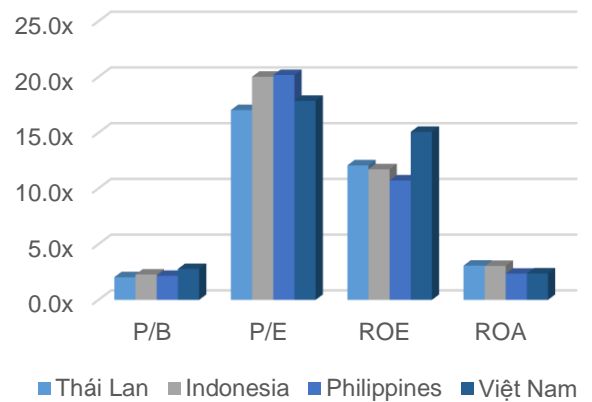
## Diễn biến các thị trường trong khu vực



Dữ liệu thị trường các quốc gia trong khu vực

		Thái Lan	Indonesia	Philippines	Việt Nam
P/B		2.0x	2.3x	2.2x	2.8x
P/E		17.0x	20.0x	20.2x	17.9x
ROE	%	12.07	11.72	10.72	15.07
ROA	%	3.08	3.05	2.36	2.37
Vốn hóa	Tỷ USD	530.45	462.77	183.69	136.80
GTGD	Triệu USD	1.16	0.37	0.09	0.16
LS cổ tức	%	3.05	2.28	1.50	1.97

Nguồn: Bloomberg & Yuanta Research





We Create **Fortune**

## CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN YUANTA VIỆT NAM

### Phòng phân tích khối khách hàng cá nhân

**Nguyễn Thế Minh**

**Giám đốc Nghiên cứu Phân tích**

+84 28 3622 6868 ext 3826

minh.nguyen@yuantan.com

**Quách Đức Khánh**

**Chuyên viên phân tích cao cấp**

+84 28 3622 6868 ext 3833

khanh.quach@yuantan.com

**Nguyễn Trịnh Ngọc Hồng**

**Chuyên viên phân tích**

+84 28 3622 6868 ext 3832

hong.nguyen@yuantan.com

### Phòng Môi giới khách hàng cá nhân

**Nguyễn Thanh Tùng**

**Giám đốc Môi giới Hội Sở**

+84 28 3622 6868 ext 3609

tung.nguyen@yuantan.com.vn

**Chung Kim Hoa**

**Giám đốc Khối khách hàng người Hoa**

+84 28 3622 6868 ext 3828

hoa.chung@yuantan.com.vn

**Phù Vĩnh Quế**

**Giám đốc chi nhánh Chợ Lớn**

+84 28 3622 6868

que.phu@yuantan.com.vn

**Nguyễn Việt Quang**

**Giám đốc chi nhánh Hà Nội**

+84 28 3622 6868 ext 3404

quang.nguyen@yuantan.com.vn

**Võ Thị Thu Thủy**

**Giám đốc chi nhánh Bình Dương**

+84 28 3622 6868 ext 3505

thuy.vo@yuantan.com.vn

**Bùi Quốc Phong**

**Giám đốc chi nhánh Đồng Nai**

+84 28 3622 6868

phong.bui@yuantan.com.vn



We Create **Fortune**

## Appendix A: Important Disclosures

### Analyst Certification

Each research analyst primarily responsible for the content of this research report, in whole or in part, certifies that with respect to each security or issuer that the analyst covered in this report: (1) all of the views expressed accurately reflect his or her personal views about those securities or issuers; and (2) no part of his or her compensation was, is, or will be, directly or indirectly, related to the specific recommendations or views expressed by that research analyst in the research report.

### Ratings Definitions

**BUY:** We have a positive outlook on the stock based on our expected absolute or relative return over the investment period. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile. We recommend investors add to their position.

**HOLD-Outperform:** In our view, the stock's fundamentals are relatively more attractive than peers at the current price. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile.

**HOLD-Underperform:** In our view, the stock's fundamentals are relatively less attractive than peers at the current price. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile.

**SELL:** We have a negative outlook on the stock based on our expected absolute or relative return over the investment period. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile. We recommend investors reduce their position.

**Under Review:** We actively follow the company, although our estimates, rating and target price are under review.

**Restricted:** The rating and target price have been suspended temporarily to comply with applicable regulations and/or Yuanta policies.

Note: Yuanta research coverage with a Target Price is based on an investment period of 12 months. Greater China Discovery Series coverage does not have a formal 12 month Target Price and the recommendation is based on an investment period specified by the analyst in the report.

### Global Disclaimer

© 2018 Yuanta. All rights reserved. The information in this report has been compiled from sources we believe to be reliable, but we do not hold ourselves responsible for its completeness or accuracy. It is not an offer to sell or solicitation of an offer to buy any securities. All opinions and estimates included in this report constitute our judgment as of this date and are subject to change without notice.

This report provides general information only. Neither the information nor any opinion expressed herein constitutes an offer or invitation to make an offer to buy or sell securities or other investments. This material is prepared for general circulation to clients and is not intended to provide tailored investment advice and does not take into account the individual financial situation and objectives of any specific person who may receive this report. Investors should seek financial advice regarding the appropriateness of investing in any securities, investments or investment strategies discussed or recommended in this report. The information contained in this report has been compiled from sources believed to be reliable but no representation or warranty, express or implied, is made as to its accuracy, completeness or correctness. This report is not (and should not be construed as) a solicitation to act as securities broker or dealer in any jurisdiction by any person or company that is not legally permitted to carry on such business in that jurisdiction.

Yuanta research is distributed in the United States only to Major U.S. Institutional Investors (as defined in Rule 15a-6 under the Securities Exchange Act of 1934, as amended and SEC staff interpretations thereof). All transactions by a US person in the securities mentioned in this report must be effected through a registered broker-dealer under Section 15 of the Securities Exchange Act of 1934, as amended. Yuanta research is distributed in Taiwan by Yuanta Securities Investment Consulting. Yuanta research is distributed in Hong Kong by Yuanta Securities (Hong Kong) Co. Limited, which is licensed in Hong Kong by the Securities and Futures Commission for regulated activities, including Type 4 regulated activity (advising on securities). In Hong Kong, this research report may not be redistributed, retransmitted or disclosed, in whole or in part or any form or manner, without the express written